

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày 27 - 6 - 2019
V/v “ tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Hằng

Ông Nguyễn Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST- DS, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Điều Thanh L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Điều Thanh L: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Vào ngày 15/4/2018 âm lịch, bà có làm đầu thảo 01 dây hụi ngày, hụi 100.000 đồng/phần, hụi 01 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 115 phần, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 05 phần. Sau khi hụi khui thì chị H hốt 05 phần hụi. Chị H đóng hụi chết cho bà đến kỳ thứ 85 thì chị H ngưng đóng cho bà đến nay. Bà đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến ngày kết thúc hụi là 30 kỳ với số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2018 âm lịch, bà có làm đầu thảo 01 dây hụi ngày, hụi 100.000 đồng/phần, hụi 01 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 130 phần, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 05 phần. Sau khi hụi khui thì chị H hốt hết 05 phần hụi. Chị H đóng hụi chết cho bà đến kỳ thứ 40 thì ngưng đóng. Bà đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến ngày kết thúc hụi là 90 kỳ với số tiền là 45.000.000 đồng.

Như vậy, bà đã đóng hụi chết thay cho chị H của 02 dây hụi nêu trên với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị H có trả cho bà nhiều lần với số tiền là 6.500.000 đồng. Do đó, tính đến thời điểm hiện nay chị H còn thiếu bà số tiền là 53.500.000 đồng.

Theo như đơn khởi kiện ngày 04/3/2019, bà yêu cầu Tòa án buộc chị H trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy việc chị H chơi hụi do bà làm đầu thảo có liên quan đến chồng của chị H là anh Điều Thanh L. Vì việc chị H chơi hụi mục đích cũng để chi tiêu trong sinh hoạt trong gia đình của chị H. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc vợ chồng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L phải liên đới trả cho bà tổng số tiền là 53.500.000 đồng trong thời gian 01 tháng trở lại.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019, ngày 04/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H, đồng thời chị H cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) trình bày:

Về thời gian, số tiền hụi do bà Đ làm đầu thảo (mà chị tham gia hụi viên) là đúng như đơn khởi kiện cũng như lời trình bày và yêu cầu của bà Đ. Chị thống nhất hiện nay chị còn thiếu bà Đ tổng số tiền của 02 dây hụi nêu trên là 53.500.000 đồng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện nay đang gặp khó khăn, hơn nữa chị cũng còn thiếu nợ nhiều người khác nên chị xin trả dần mỗi tháng cho bà Đ là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không có khả năng trả trong vòng 01 tháng trở lại theo như bà Đ yêu cầu. Việc chị tham gia chơi hụi do bà Đ làm đầu thảo mục đích chị sử dụng số tiền nêu trên là để chi tiêu trong gia đình như: Đi đám tiệc, mua đồ sinh hoạt trong gia đình, trả nợ, điều trị bệnh cho chồng của chị là anh L và các khoản sinh hoạt khác trong gia đình thì chồng chị là anh L không hay biết. Cho nên, chị đồng ý trả một mình mà không đề nghị Tòa án buộc anh L cùng trả nợ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*** Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ

quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Việc nguyên đơn bà Phạm Thị Đ yêu cầu bị đơn Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L trả cho bà Đ số tiền của 02 dây hụi do bà Đ làm đầu thảo (chị H là hụi viên) là 53.500.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có địa chỉ tại ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận:

Vào ngày 15/4/2018 âm lịch, bà Phạm Thị Đ có làm đầu thảo 01 dây hụi ngày, hụi 100.000 đồng/phần, hụi 01 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 115 phần, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 05 phần. Sau khi hụi khui thì chị H hốt 05 phần hụi. Chị H đóng hụi chết cho bà Đ đến kỳ thứ 85 thì chị H ngưng đóng cho bà Đ. Bà Đ đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến ngày kết thúc hụi là 30 kỳ với số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2018 âm lịch, bà Phạm Thị Đ có làm đầu thảo 01 dây hụi ngày, hụi 100.000 đồng/phần, hụi 01 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 130 phần, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 05 phần. Sau khi hụi khui thì chị H hốt hết 05 phần hụi. Chị H đóng hụi chết cho bà Đ đến kỳ thứ 40 thì ngưng đóng. Bà Đ đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến ngày kết thúc hụi là 90 kỳ với số tiền là 45.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H có trả cho bà Đ nhiều lần với số tiền là 6.500.000 đồng. Do đó, tính đến thời điểm hiện nay chị H còn thiếu bà Đ số tiền là 53.500.000 đồng.

Các tình tiết, sự kiện nêu trên các bên đương sự đều thừa nhận, nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Đ làm đầu thảo, đúng như đơn khởi kiện, lời trình bày và yêu cầu của bà Đ. Chị H thừa nhận hiện nay chị còn thiếu bà Đ tổng cộng 53.500.000 đồng.

[4] Xét về nghĩa vụ của thành viên góp hội, chị H đã vi phạm vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 20, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường. Do đó, nguyên đơn bà Phạm Thị Đ yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H trả tiền nợ hội tổng cộng 53.500.000 đồng là có cơ sở.

[5] Việc chị Trần Thị Tuyết H cho rằng hoàn cảnh kinh tế của gia đình chị đang gặp khó khăn, xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này của chị H, phía nguyên đơn bà Đ không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Xét việc nguyên đơn bà Phạm Thị Đ yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) cùng với bị đơn chị Trần Thị Tuyết H liên đới thanh toán 02 khoản tiền hội nêu trên là 53.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị H chơi hội do bà Đ làm đầu thảo, mục đích chị H sử dụng các khoản tiền này là để chi tiêu trong gia đình (trong đó có khoản tiền điều trị bệnh cho anh L). Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên yêu cầu của bà Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên, cần buộc anh Điều Thanh L và chị Trần Thị Tuyết H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn chị bà Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 53.500.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 20, Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 16, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng chị H) có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Đ số tiền hụi do chị H chưa góp là 53.500.000 (*Năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Buộc bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Đ tổng số tiền là 53.500.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới chịu 2.675.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000684 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CLD.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phạm Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L còn phải liên đới trả lãi cho bà Đ theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua